

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố

(thực hiện điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Phát triển đô thị số/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 260/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số ngày của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Phát triển đô thị;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố

quy định nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Xét Báo cáo thẩm tra số ngày của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; Văn bản số ngày và Báo cáo số ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

- a) Tổ chức thi hành Nghị quyết này;
- b) Thực hiện các quy định tại khoản 3, Điều 10 của Luật Phát triển đô thị số/2026/QH16 trong quá trình tổ chức thi hành Nghị quyết này;
- c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đề cao trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí trong quá trình thực hiện Nghị quyết này. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh xung quanh Thành phố trong quá trình tổ chức thực hiện;
- d) Chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ theo chức năng được giao thường xuyên rà soát quy trình, thủ tục, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai;
- đ) Chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch, trong quá trình lập Quy hoạch tổng thể Thành phố lưu ý về tính kế thừa, tích hợp, lồng ghép các nội dung của quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung Thành phố đã được phê duyệt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước sắp xếp);
- e) Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết, trường hợp phát sinh nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 88/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, định mức chi phí, đơn giá, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch và tổ chức tư vấn đang lập Quy hoạch tổng thể trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục lập, trình thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tổng thể theo quy định của Nghị quyết này.

3. Đề cương lập Quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục là cơ sở pháp lý để thực hiện các bước tiếp theo quy định của Nghị quyết này.

4. Quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt Đề cương lập quy hoạch mà chưa được thẩm định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì cơ quan tổ chức lập quy hoạch rà soát, bổ sung nội dung quy hoạch theo quy định của Nghị quyết này và thực hiện trình tự thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố theo quy định của Nghị quyết này.

5. Nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa, nhiệm kỳ 2026-2031 thông qua tại kỳ họp thứ ngày năm 2026./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, Ủy ban nhân dân, BMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố.

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Luật Phát triển đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố; việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Quy hoạch tổng thể Thành phố được lập trên cơ sở cụ thể hóa quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và tích hợp, lồng ghép, thay thế Quy hoạch Thành phố, Quy hoạch chung Thành phố. Quy hoạch tổng thể Thành phố có giá trị pháp lý như quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung thành phố theo quy định của pháp luật.

Chương II NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THÀNH PHẦN HỒ SƠ LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH TỔNG THỂ THÀNH PHỐ

Điều 4. Nội dung Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố

Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Sự cần thiết lập quy hoạch; căn cứ lập quy hoạch; định hướng, yêu cầu của quy hoạch có liên quan, quy hoạch được cụ thể hóa đối với quy hoạch cần lập (nếu có);

2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch, thời kỳ, thời hạn, tầm nhìn của quy hoạch;

3. Yêu cầu về nội dung quy hoạch; hồ sơ quy hoạch;

4. Thời gian, tiến độ lập quy hoạch;

5. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc lập quy hoạch.

Điều 5. Nội dung Quy hoạch tổng thể Thành phố

Quy hoạch tổng thể Thành phố gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Lý do, sự cần thiết, cơ sở, căn cứ lập Quy hoạch tổng thể Thành phố;

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng;

3. Dự báo quy mô dân số, lao động, quy mô đất đai;

4. Xác định, phân tích các yêu cầu, nội dung phát triển quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đã được phê duyệt đối với định hướng phát triển của Thành phố;

5. Xác định quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu, tính chất và tiền đề phát triển Thành phố;

6. Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

7. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;

8. Đánh giá công tác quản lý, triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt về phát triển không gian, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật đang được triển khai thực hiện trên địa bàn Thành phố;

9. Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực;

10. Xác định, lựa chọn các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và môi trường đối với khu vực đô thị và nông thôn trong Thành phố;

11. Xác định nguyên tắc, tiêu chí để lựa chọn phương án cơ cấu phát triển đô thị;

12. Xác định mô hình, cấu trúc không gian tổng thể hệ thống đô thị, nông thôn trong Thành phố; phạm vi ranh giới và định hướng phát triển không gian đối với khu vực đô thị, nông thôn, đơn vị hành chính đô thị và đơn vị hành chính nông thôn;

13. Định hướng tổ chức không gian các khu chức năng;

14. Định hướng tổ chức phân vùng kiến trúc cảnh quan; không gian cây xanh mặt nước, sông hồ, biển, khu vực cửa ngõ, trục không gian chính, điểm nhấn Thành phố; bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa;

15. Định hướng sử dụng đất toàn Thành phố theo các giai đoạn;

16. Định hướng phát triển không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian tầm cao, không gian biển và hạ tầng kỹ thuật;

17. Các giải pháp về bảo vệ môi trường trong phạm vi quy hoạch;

- 18. Phương hướng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên;
- 19. Phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;
- 20. Luận cứ và xác định chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện;
- 21. Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

Điều 6. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố bao gồm:
 - a) Lập Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố. Thời gian lập không quá 02 tháng;
 - b) Phê duyệt Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố;
 - c) Lập Quy hoạch tổng thể Thành phố. Thời gian lập không quá 10 tháng;
 - d) Thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố. Thời gian thẩm định không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết này;
 - đ) Phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố.
2. Lập, phê duyệt Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố:
 - a) Cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố chủ trì, phối hợp, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan để xây dựng, hoàn thiện Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố;
 - b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Quy hoạch – Kiến trúc có ý kiến thống nhất đối với Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố trước khi cơ quan lập quy hoạch trình đề cương cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.
3. Lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố
 - a) Cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố trong quá trình lập quy hoạch, lấy ý kiến theo quy định tại Nghị quyết này; tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến tham gia trong quá trình lập Quy hoạch tổng thể Thành phố và hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố trước khi trình thẩm định;
 - b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch – Kiến trúc kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ quy hoạch bảo đảm theo quy định của Nghị quyết này; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định. Sở Tài chính gửi hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định, lấy ý kiến phản biện của chuyên gia là thành viên hội đồng thẩm định trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định quy hoạch;
 - c) Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của Hội đồng thẩm định, ý kiến phản biện và gửi cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố. Trên cơ sở hồ sơ đã hoàn thiện nêu trên, cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố gửi lại Sở Tài chính để Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch – Kiến trúc và cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố kiểm tra và hoàn thiện, ban hành Báo cáo thẩm định. Nội dung thẩm định của Sở Tài chính và Sở Quy hoạch – Kiến trúc được xác

định theo phạm vi trách nhiệm được điều chỉnh bởi pháp luật về quy hoạch và pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Đối với nội dung còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất với cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch – Kiến trúc báo cáo, nêu rõ quan điểm trong Báo cáo thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố để Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

d) Cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố hoàn thiện nội dung, hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố theo ý kiến thẩm định của Báo cáo thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Ủy ban nhân dân Thành phố lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phê duyệt và trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua quy hoạch;

4. Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố và Quy hoạch tổng thể Thành phố được tổ chức lập song song. Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố phải được phê duyệt làm cơ sở thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố.

5. Cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính.

6. Tổ chức tư vấn lập Quy hoạch tổng thể Thành phố: do cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố đề xuất, trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận bằng văn bản. Tổ chức tư vấn là đơn vị tư vấn hoặc liên danh tư vấn, phải đáp ứng đủ năng lực lập quy hoạch tỉnh theo pháp luật về quy hoạch và quy hoạch chung theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

7. Cơ quan thẩm định và Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố:

a) Cơ quan thẩm định: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch – Kiến trúc thẩm định;

b) Hội đồng thẩm định: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch – Kiến trúc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

8. Cơ quan thông qua Quy hoạch tổng thể Thành phố: Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 7. Nội dung thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Nội dung thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố bao gồm:

- a) Sự phù hợp với Đề cương lập quy hoạch;
- b) Việc tuân thủ trình tự, thủ tục lập quy hoạch quy định tại Nghị quyết này;
- c) Sự phù hợp với quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; các nội dung tích hợp, lồng ghép, thay thế Quy hoạch Thành phố, Quy hoạch chung Thành phố.

d) Tính thống nhất, đồng bộ trong xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh theo phương pháp tích hợp quy hoạch;

đ) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia được thành lập theo quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ;

e) Tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương, ngành liên quan;

g) Kết quả việc thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn giai đoạn trước;

h) Quy chuẩn về quy hoạch đô thị và nông thôn và quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành có liên quan.

2. Việc thẩm định của cơ quan thẩm định và Hội đồng thẩm định theo quy định tại Nghị quyết này không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố và trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập Quy hoạch tổng thể Thành phố đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Lấy ý kiến về Đề cương lập quy hoạch và Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Việc lấy ý kiến được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch và cơ quan lập quy hoạch, đồng thời đăng tải trên hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến trong quá trình lập Đề cương lập quy hoạch và Quy hoạch tổng thể Thành phố.

2. Hồ sơ lấy ý kiến:

a) Hồ sơ lấy ý kiến đối với Đề cương lập quy hoạch: văn bản xin ý kiến đối với Đề cương lập quy hoạch; dự thảo Đề cương lập quy hoạch;

b) Hồ sơ lấy ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể Thành phố: văn bản xin ý kiến đối với Quy hoạch tổng thể Thành phố; hồ sơ, nội dung trình thẩm định theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Đối tượng lấy ý kiến về Đề cương lập quy hoạch và Quy hoạch tổng thể Thành phố trước khi phê duyệt gồm các Bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên kề; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; cộng đồng dân cư, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong trường hợp chưa hết thời gian lấy ý kiến mà đã nhận được đầy đủ ý kiến thì cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố thực hiện các bước tiếp theo kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến.

4. Toàn bộ nội dung dự thảo Quy hoạch tổng thể Thành phố được lấy ý kiến trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố và hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch trong thời gian ít nhất là 20 ngày và không quá 30 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến.

5. Việc lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương liên kề; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện như sau:

a) Cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết này;

b) Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch. Nội dung lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang bộ về Quy hoạch tổng thể Thành phố thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Bộ, cơ quan ngang bộ, bảo đảm phù hợp với quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng.

6. Việc lấy ý kiến cộng đồng, cá nhân liên quan đến quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã được lấy ý kiến có trách nhiệm thông tin việc lấy ý kiến về quy hoạch đến cộng đồng và cá nhân có liên quan;

b) Cộng đồng, cá nhân góp ý quy hoạch trực tiếp trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc gửi ý kiến góp ý tới Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp gửi cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố.

7. Cơ quan lập Quy hoạch tổng thể Thành phố có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các địa phương liên kề; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã và cộng đồng, cá nhân liên quan đến quy hoạch. Nội dung báo cáo tiếp thu, giải trình phải được công bố công khai, minh bạch.

Điều 9. Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Thành phần của Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương, sở, ban, ngành Thành phố, các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia là ủy viên phản biện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Các Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định là các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách ngành, lĩnh vực liên quan.

2. Hội đồng thẩm định làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố. Hội đồng thẩm định ban hành quy chế hoạt động đề quy định cụ thể phương thức hoạt động, trách nhiệm, quyền hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Điều 10. Quy định chung về thành phần hồ sơ Đề cương lập quy hoạch và hồ sơ Quy hoạch tổng thể

1. Hồ sơ Đề cương lập quy hoạch và Quy hoạch tổng thể Thành phố được phê duyệt là hồ sơ bằng bản giấy được Sở Tài chính và Sở Quy hoạch – Kiến trúc đóng dấu xác nhận.

2. Hồ sơ điện tử Quy hoạch tổng thể Thành phố là tập hợp các tài liệu điện tử có liên quan với nhau, bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ bản giấy có đầy đủ nội dung quy định tại Nghị quyết này, không bao gồm các văn bản, tài liệu liên quan;

b) Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử, đầy đủ thành phần theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Nghị quyết này;

c) Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) bảo đảm nội dung và yêu cầu kỹ thuật phù hợp với các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

d) Đơn vị lập Quy hoạch tổng thể Thành phố có trách nhiệm cập nhật cơ sở dữ liệu về quy hoạch trên hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch sau khi Quy hoạch tổng thể Thành phố được phê duyệt theo quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Hồ sơ lấy ý kiến:

a) Hồ sơ lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan gồm báo cáo tóm tắt; các bản vẽ đáp ứng yêu cầu về việc lấy ý kiến được xác định cụ thể trong Đề cương lập quy hoạch;

b) Hồ sơ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, chuyên gia gồm hồ sơ bản giấy (báo cáo thuyết minh, bản vẽ theo quy định tỷ lệ thích hợp, các văn bản pháp lý liên quan) và hồ sơ điện tử đáp ứng yêu cầu về việc lấy ý kiến được xác định cụ thể trong Đề cương lập quy hoạch.

4. Hồ sơ trình thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố;

b) Hồ sơ bản giấy thể hiện nội dung và thành phần hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố bảo đảm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này. Số lượng: 02 bộ;

c) Hồ sơ điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Hồ sơ trình phê duyệt bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố;

b) Hồ sơ bản giấy thể hiện nội dung và thành phần hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố bảo đảm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này. Số lượng: 01 bộ;

c) Báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định và Thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố;

d) Hồ sơ điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố phải có các nội dung chủ yếu quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

7. Quy định về đóng dấu xác nhận hồ sơ Đề cương lập quy hoạch và Quy hoạch tổng thể Thành phố đã phê duyệt.

a) Sau khi Đề cương lập quy hoạch và Quy hoạch tổng thể Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phê duyệt, cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện hồ sơ theo Quyết định phê duyệt, gửi hồ sơ đến Sở Tài chính và Sở Quy hoạch – Kiến trúc để đóng dấu xác nhận;

b) Sở Tài chính và Sở Quy hoạch – Kiến trúc đóng dấu xác nhận tại thuyết minh quy hoạch, bản vẽ, quy định quản lý (tất cả các bản ghép) trong hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố;

c) Số lượng hồ sơ để đóng dấu xác nhận: 07 bộ hồ sơ.

Điều 11. Thành phần, nội dung hồ sơ Đề cương lập quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Thuyết minh thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

2. Bản vẽ:

a) Sơ đồ vị trí và mối liên hệ trong Quy hoạch tổng thể Thành phố hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, quy hoạch vùng.

b) Bản đồ ranh giới và phạm vi lập Quy hoạch tổng thể Thành phố.

3. Các văn bản, tài liệu liên quan.

4. Tờ trình đề nghị phê duyệt Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề cương lập Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Điều 12. Thành phần, nội dung hồ sơ Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Thuyết minh quy hoạch tổng thể Thành phố thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Hệ thống sơ đồ, bản vẽ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch:

a) Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng gồm: vị trí, quy mô, ranh giới lập quy hoạch; các mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội, không gian phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật và môi trường trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng có ảnh hưởng tới Thành phố được lập quy hoạch. Bản vẽ thể hiện theo tỷ lệ thích hợp trên nền bản đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia; bản đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn;

b) Sơ đồ hiện trạng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật toàn Thành phố: vị trí, phạm vi các đô thị, khu chức năng; quy mô khu vực đô thị, khu vực nông thôn, khu chức năng, khu sản xuất nông nghiệp, khu lâm nghiệp và khu vực khác; hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp Thành phố. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000 (có thể chia nhiều bản vẽ theo từng nội dung chi tiết);

c) Bản đồ hiện trạng hệ thống đô thị: hiện trạng các khu chức năng; kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở, ...); hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước thải; quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và môi trường). Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 (có thể chia nhiều bản vẽ theo từng nội dung chi tiết);

d) Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng đô thị và nông thôn: đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; sử dụng đất (xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các chức năng đô

thị ...); xác định các khu vực cấm, khu vực hạn chế phát triển đô thị. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000;

đ) Sơ đồ định hướng hệ thống đô thị và nông thôn: xác định phạm vi khu vực đô thị, nông thôn, hệ thống các đô thị, chức năng chủ đạo. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000;

e) Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn Thành phố: xác định khu chức năng, khu vực trọng tâm phát triển, khu vực có ý nghĩa quan trọng quốc gia về chính trị, văn hóa, lịch sử, an ninh, quốc phòng (nếu có); hệ thống trung tâm hành chính, đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và trung tâm chuyên ngành cấp quốc gia khác. Xác định các trục không gian, hành lang phát triển của Thành phố. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000;

g) Sơ đồ định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật toàn đô thị: định hướng phát triển quy hoạch không gian ngầm và hạ tầng kỹ thuật toàn Thành phố; xác định mạng lưới giao thông đối ngoại và giao thông chính đô thị gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không; vị trí và quy mô diện tích dự kiến cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, ga đường sắt; tuyến đường bộ, đường sắt đô thị (trên cao, trên mặt đất, dưới nước, ngầm); xác định vị trí, quy mô bến xe đối ngoại; xác định trữ lượng, nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; xác định vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và các tuyến truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng, chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước; vị trí, quy mô diện tích dự kiến của khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác cho các đô thị và các vùng chức năng khác của Thành phố. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000;

h) Sơ đồ định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị: cơ cấu phát triển đô thị (bao gồm các sơ đồ phân tích hiện trạng và đề xuất các phương án, kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án) xác định khung hệ thống giao thông chính, mối liên kết giữa các khu vực chức năng chính, các khu vực trung tâm và hướng phát triển mở rộng đô thị. Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng; các khu chuyển đổi chức năng; khu hiện có hạn chế phát triển, khu chỉnh trang, cải tạo, khu cần bảo tồn, tôn tạo; khu phát triển mới (trong đó xác định phạm vi, quy mô của các khu dân cư; khu chức năng cấp quốc gia, cấp vùng và Thành phố); khu cần bảo tồn, tôn tạo; khu cấm xây dựng; các khu dự trữ phát triển; an ninh, quốc phòng. Xác định vị trí, quy mô hệ thống trung tâm: hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, công viên cây xanh và không gian mở của đô thị; trung tâm chuyên ngành nghiên cứu, đào tạo, y tế,... cấp quốc gia, cấp vùng và cấp Thành phố. Xác định các khu vực dự kiến xây dựng công trình ngầm. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000;

i) Sơ đồ định hướng sử dụng đất toàn Thành phố: vị trí, quy mô các khu vực: phát triển đô thị, phát triển nông thôn, phát triển khu chức năng, sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; quốc phòng, an ninh và khu vực khác theo yêu cầu quản lý. Bản vẽ thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000;

k) Bản đồ sử dụng đất hệ thống đô thị: vị trí, quy mô sử dụng đất của các khu chức năng theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025; xác định quy mô dân số, chỉ tiêu về mật độ dân cư, sử dụng đất của từng khu vực chức năng đô thị theo các giai đoạn phát triển. Bản vẽ hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 (chia mỗi khu vực đô thị thành một bản đồ);

l) Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực đô thị trung tâm: phát triển quy hoạch không gian ngầm và hạ tầng kỹ thuật; mạng lưới giao thông đối ngoại gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không; vị trí và quy mô cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, ga đường sắt; tuyến đường bộ, đường sắt đô thị (trên cao, trên mặt đất, dưới nước, ngầm); vị trí, quy mô bến xe đối ngoại; trữ lượng, nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và các tuyến truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng, chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước; vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác cho đô thị. Bản vẽ hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000;

m) Các bản vẽ thiết kế đô thị: định hướng tổ chức phân vùng kiến trúc cảnh quan; không gian tầm thấp, không gian tầm cao, không gian cây xanh mặt nước, không gian biên, sông hồ, khu vực cửa ngõ, trục không gian chính, điểm nhấn Thành phố; bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa. Bản vẽ theo tỷ lệ thích hợp. Các bản vẽ phối cảnh tổng thể và các góc nhìn chính mô phỏng không gian kiến trúc phù hợp, để làm rõ được các nội dung nghiên cứu;

n) Sơ đồ, bản đồ chuyên đề (nếu có) và các bản vẽ theo yêu cầu tại Đề cương lập Quy hoạch tổng thể.

3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược (nếu có);

4. Quy định quản lý theo Quy hoạch tổng thể Thành phố. Nội dung quy định quản lý phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được phê duyệt và cụ thể các nội dung sau: Ranh giới, phạm vi, tính chất khu vực lập quy hoạch; Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, quy định về kiểm soát không gian, kiến trúc cảnh quan, cốt xây dựng không chế từng khu vực; Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng đến từng tuyến đường cấp đô thị; Xác định các khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình có chức năng đặc thù, công trình ngầm; khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan; Các chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch bao gồm: Thu hút đầu tư phát triển theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt; Phát triển nguồn nhân lực; Phát triển khoa học và công nghệ; Bảo đảm an sinh xã hội; Bảo vệ môi trường; Bảo đảm nguồn lực tài chính; Bảo đảm quốc phòng, an ninh; Trách nhiệm tổ chức thực hiện; nguyên tắc để tổ chức thực hiện và triển khai theo quy hoạch chung đã được phê duyệt.

5. Các văn bản, tài liệu liên quan.

6. Tờ trình đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Chương III

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THÀNH PHẦN HỒ SƠ LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH, ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH TỔNG THỂ THÀNH PHỐ

Điều 13. Lấy ý kiến về điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Cơ quan lập điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến trong quá trình lập điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố.

2. Việc lấy ý kiến được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Cơ quan lập điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến trong quá trình lập điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố.

3. Hồ sơ lấy ý kiến đối với điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố:

a) Hồ sơ lấy ý kiến đối với Đề cương lập điều chỉnh quy hoạch: văn bản xin ý kiến đối với Đề cương lập điều chỉnh quy hoạch; dự thảo Đề cương lập điều chỉnh quy hoạch;

b) Hồ sơ lấy ý kiến đối với điều chỉnh Quy hoạch tổng thể: văn bản xin ý kiến đối với điều chỉnh Quy hoạch tổng thể; hồ sơ, nội dung trình thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị quyết này.

4. Hồ sơ lấy ý kiến đối với điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố:

Văn bản xin ý kiến đối với điều chỉnh cục bộ; hồ sơ, nội dung trình thẩm định theo quy định tại Điều 17 Nghị quyết này.

5. Đối tượng lấy ý kiến:

a) Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố: thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

b) Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; cộng đồng dân cư, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Trong trường hợp chưa hết thời gian lấy ý kiến mà đã nhận được đầy đủ ý kiến thì cơ quan lập điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ quy hoạch thực hiện các bước tiếp theo kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến.

5. Toàn bộ nội dung dự thảo điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ quy hoạch được lấy ý kiến trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập điều chỉnh, điều

chỉnh cục bộ quy hoạch trong thời gian ít nhất là 20 ngày và không quá 30 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến.

6. Việc lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện như sau:

a) Cơ quan lập điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ quy hoạch gửi hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết này;

b) Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ quy hoạch. Nội dung lấy ý kiến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã về Quy hoạch tổng thể Thành phố thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm phù hợp với quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của Thành phố.

7. Việc lấy ý kiến cộng đồng, cá nhân liên quan đến quy hoạch được thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã được lấy ý kiến có trách nhiệm thông tin việc lấy ý kiến về quy hoạch đến cộng đồng và cá nhân có liên quan;

b) Cộng đồng, cá nhân góp ý quy hoạch trực tiếp trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ quy hoạch hoặc gửi ý kiến góp ý tới Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp gửi cơ quan lập điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ quy hoạch Quy hoạch tổng thể Thành phố.

8. Cơ quan lập điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ quy hoạch có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến của đơn vị thuộc đối tượng lấy ý kiến nêu trên. Nội dung báo cáo tiếp thu, giải trình phải được công bố công khai, minh bạch.

Điều 14. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố chỉ được điều chỉnh trong trường hợp quy hoạch cấp cao hơn thay đổi mà ảnh hưởng trực tiếp đến Quy hoạch tổng thể Thành phố hoặc phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng đặc biệt quan trọng, yêu cầu về quốc phòng, an ninh hoặc khi có biến động lớn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội hoặc để thực hiện yêu cầu của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, trừ trường hợp điều chỉnh cục bộ.

2. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố được tiến hành trên cơ sở Báo cáo kết quả đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố và khi có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này mà có sự thay đổi về vai trò, tính chất, chức năng, quy mô của Thành phố; có sự thay đổi về ranh giới của khu vực lập Quy hoạch tổng thể Thành phố; có sự thay đổi về cơ cấu, tính chất, chức năng, quy mô và các giải pháp quy hoạch, yêu cầu tổ chức không gian của toàn bộ khu vực lập Quy hoạch tổng thể Thành phố.

3. Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố phải bảo đảm đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển đô thị và nông thôn của Thành phố trong tương lai, nâng cao chất lượng môi trường

sống, cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị, nông thôn; bảo đảm tính kế thừa, không gây vướng mắc đối với các dự án đầu tư xây dựng đang triển khai.

4. Nội dung, trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12 của Nghị quyết này, sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố.

Điều 15. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố được tiến hành khi có một trong các trường hợp sau:

- Có sự điều chỉnh về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng mà ảnh hưởng trực tiếp tại một hoặc một số khu vực đến Quy hoạch tổng thể Thành phố;

- Có sự điều chỉnh địa giới hành chính, ranh các khu vực quy hoạch đô thị và khu vực quy hoạch nông thôn cần điều chỉnh, bổ sung làm cơ sở triển khai tổ chức lập, điều chỉnh các quy hoạch cấp dưới theo quy định.

- Có sự biến động về điều kiện khí hậu, địa chất, thủy văn hoặc tác động của thiên tai, chiến tranh hoặc yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh làm ảnh hưởng đến định hướng không gian kiến trúc của Quy hoạch tổng thể Thành phố;

- Phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng khi thay đổi nhu cầu sử dụng đất dành cho hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo chính sách phát triển từng thời kỳ.

- Quy hoạch tổng thể Thành phố không thực hiện được hoặc việc triển khai gây ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, môi trường sinh thái, di tích lịch sử, văn hóa.

- Phương hướng, phương án phát triển mạng lưới cấp điện đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh theo quy định của pháp luật có ảnh hưởng đến sử dụng đất, tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật của Quy hoạch tổng thể Thành phố tại khu vực dự án.

- Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 44 Luật phát triển đô thị (nếu có).

2. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố được tiến hành trên cơ sở kết quả đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố và nội dung dự kiến điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố không làm thay đổi về cơ cấu, tính chất, chức năng, các giải pháp chính về quy hoạch, yêu cầu tổ chức không gian của toàn bộ khu vực lập Quy hoạch tổng thể Thành phố.

3. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố để phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng được thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: tăng chỉ tiêu đất hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; giảm mật độ xây dựng; không làm quá tải hạ tầng khu vực; đầu tư nhà ở xã hội hoặc phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD); bổ sung các công trình công cộng hoặc cải

thiện cảnh quan đô thị nhằm nâng cao chất lượng, điều kiện sống, sinh hoạt, làm việc của người dân trong khu vực.

4. Việc thành lập, điều chỉnh ranh giới, diện tích, chức năng khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định được coi là quyết định điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố.

5. Việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố không phải thực hiện trình tự lập, thẩm định và phê duyệt Đề cương lập quy hoạch.

Điều 16. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố bao gồm:

- a) Lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch.
- b) Thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch. Thời gian thẩm định không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết này;
- c) Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch. Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phải thể hiện rõ các nội dung điều chỉnh và kèm theo hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

2. Lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố:

a) Cơ quan lập điều chỉnh cục bộ trong quá trình lập điều chỉnh cục bộ, lấy ý kiến theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết này; tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến tham gia trong quá trình lập điều chỉnh cục bộ và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh cục bộ trước khi trình thẩm định;

b) Cơ quan thẩm định điều chỉnh cục bộ kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ điều chỉnh cục bộ bảo đảm theo quy định tại Điều 17 Nghị quyết này; thành lập Hội đồng thẩm định; gửi hồ sơ điều chỉnh cục bộ để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định, lấy ý kiến phản biện của chuyên gia là thành viên hội đồng thẩm định trước khi tổ chức họp Hội đồng thẩm định;

c) Cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của Hội đồng thẩm định, ý kiến phản biện và gửi cơ quan lập điều chỉnh cục bộ để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh cục bộ. Trên cơ sở điều chỉnh cục bộ đã hoàn thiện nêu trên, cơ quan lập điều chỉnh cục bộ gửi lại cơ quan thẩm định để cơ quan thẩm định kiểm tra và hoàn thiện, ban hành Báo cáo thẩm định. Đối với nội dung còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất với cơ quan lập điều chỉnh cục bộ, cơ quan thẩm định báo cáo, nêu rõ quan điểm trong Báo cáo thẩm định điều chỉnh cục bộ để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

d) Cơ quan lập điều chỉnh cục bộ hoàn thiện nội dung, hồ sơ điều chỉnh cục bộ theo ý kiến thẩm định của Báo cáo thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định phê duyệt;

3. Cơ quan lập điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố được xác định trong Báo cáo kết quả đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố.

4. Tổ chức tư vấn lập điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố: do cơ quan lập điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố lựa chọn đáp ứng đủ năng lực lập quy hoạch tỉnh theo pháp luật về quy hoạch hoặc quy hoạch chung theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn tùy thuộc vào nội dung dự kiến điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố.

5. Cơ quan thẩm định và Hội đồng thẩm định điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố:

a) Cơ quan thẩm định: được xác định trong Báo cáo kết quả đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố;

b) Hội đồng thẩm định: do cơ quan thẩm định quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố. Người đứng đầu cơ quan thẩm định là Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

6. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 17. Thành phần và nội dung hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch, trong đó nêu rõ: Lý do, sự cần thiết, cơ sở, căn cứ lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch, xác định trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch; phân tích, đánh giá hiện trạng khu vực điều chỉnh cục bộ; nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch; phân tích, làm rõ hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch; đánh giá tác động của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đến việc triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được phê duyệt; đề xuất biện pháp khắc phục các vấn đề mới nảy sinh do điều chỉnh cục bộ quy hoạch (nếu có);

2. Các bản vẽ thể hiện các nội dung gồm: Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch; nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

3. Các văn bản pháp lý có liên quan; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về điều chỉnh cục bộ quy hoạch;

4. Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

Chương IV CÔNG BỐ, CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH TỔNG THỂ THÀNH PHỐ

Điều 18. Công bố Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối

hợp Sở Quy hoạch – Kiến trúc công bố công khai nội dung của Quy hoạch tổng thể Thành phố; đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Quy hoạch tổng thể Thành phố phải được công bố tại trụ sở và đăng tải thường xuyên, liên tục trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố, các sở ngành của Thành phố, Ủy ban nhân dân các xã phường; hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch và kết hợp thực hiện theo một, một số hoặc các hình thức sau đây:

- a) Thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng;
- b) Trưng bày hệ thống bản vẽ Quy hoạch tổng thể Thành phố;
- c) Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- d) Phát hành ấn phẩm.

Điều 19. Cung cấp thông tin Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền tiếp cận các thông tin về Quy hoạch tổng thể Thành phố sau đây:

- a) Thông tin về Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được phê duyệt và công bố;
- b) Quy định quản lý theo Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được ban hành;
- c) Thông tin về các thủ tục hành chính về Quy hoạch tổng thể Thành phố;
- d) Văn bản quy phạm pháp luật về Quy hoạch tổng thể Thành phố.

2. Cơ quan chuyên môn về quy hoạch thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm cung cấp thông tin về Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được phê duyệt cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu, số liệu do mình cung cấp.

3. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu về Quy hoạch tổng thể Thành phố được thực hiện theo hình thức giải thích trực tiếp hoặc bằng văn bản.

4. Cách thức thực hiện: Nộp trực tuyến, hoặc qua dịch vụ bưu chính, hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc cấp xã.

5. Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị cung cấp thông tin về Quy hoạch tổng thể Thành phố, ghi rõ thông tin của tổ chức hoặc cá nhân, mục đích đề nghị cung cấp thông tin; bản vẽ, sơ đồ thể hiện vị trí, địa điểm cụ thể của lô đất và các nội dung liên quan bảo đảm việc cung cấp thông tin theo yêu cầu.

6. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7. Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Chương V **THỰC HIỆN, ĐÁNH GIÁ QUY HOẠCH TỔNG THỂ** **THÀNH PHỐ**

Điều 20. Thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể Thành phố được phê duyệt hoặc điều chỉnh, Sở Quy hoạch – Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có

liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố.

2. Yêu cầu về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố bao gồm:

a) Phù hợp với nội dung Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được phê duyệt; quy định quản lý theo Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được ban hành;

b) Bảo đảm tính khả thi về thời gian, nguồn lực và các điều kiện tổ chức thực hiện;

c) Xác định rõ, cụ thể về tiến độ, trách nhiệm của các cơ quan trong tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

d) Đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo kết quả công tác thực hiện quy hoạch.

3. Nội dung Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố bao gồm:

a) Xác định danh mục, tiến độ triển khai lập các cấp độ quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị, quy hoạch không gian ngầm, quy hoạch không gian tầm thấp, không gian tầm cao và quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với thành phố trực thuộc trung ương theo kế hoạch 05 năm và hằng năm;

b) Dự kiến nhu cầu vốn hằng năm cho công tác tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn; đề xuất các cơ chế chính sách bố trí, huy động nguồn lực thực hiện theo Kế hoạch;

c) Xác định danh mục, tiến độ triển khai Dự án đầu tư công; Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công; Kế hoạch sử dụng đất theo quy định pháp luật hiện hành; xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

d) Phân công trách nhiệm các cơ quan thực hiện;

đ) Kế hoạch kiểm tra, giám sát;

e) Quy định nội dung, tiêu chí đánh giá kết quả, chế độ báo cáo kết quả công tác tổ chức thực hiện quy hoạch;

f) Nội dung khác có liên quan.

Điều 21. Đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Quy hoạch tổng thể Thành phố phải được rà soát, đánh giá quá trình triển khai thực hiện theo định kỳ 05 năm hoặc khi xuất hiện yêu cầu điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch – Kiến trúc có trách nhiệm tổ chức đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được phê duyệt, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét chấp thuận.

3. Báo cáo kết quả đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố; đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch, chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch;

b) Xác định yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình và kết quả thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố;

c) Kiến nghị điều chỉnh hoặc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố (nếu có).

d) Xác định cơ quan lập và cơ quan thẩm định điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố trên cơ sở nội dung dự kiến điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố thuộc phạm vi điều chỉnh theo pháp luật về quy hoạch hoặc theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

4. Báo cáo kết quả đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố phải kèm theo các bản vẽ và các văn bản pháp lý có liên quan.

Chương VI

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ QUY HOẠCH TỔNG THỂ THÀNH PHỐ, ĐIỀU CHỈNH, ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH TỔNG THỂ THÀNH PHỐ

Điều 22. Nguyên tắc xác định định mức chi phí

1. Phù hợp với tính chất công việc, nội dung, số lượng, khối lượng, chất lượng.
2. Phù hợp quy mô diện tích, quy mô dân số, hệ số cho đô thị loại đặc biệt và hệ số cho hồ sơ quy hoạch theo cơ sở dữ liệu địa lý, tiến độ công việc và yêu cầu cần đạt về chất lượng sản phẩm theo quy định.

3. Loại bỏ những công việc trùng lặp của quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung khi thực hiện Quy hoạch tổng thể Thành phố đảm bảo tiết kiệm, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.

4. Kinh phí cho hoạt động Quy hoạch tổng thể Thành phố áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành về việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước; về việc sử dụng nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch.

Điều 23. Định mức chi phí lập Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Chi phí lập Đề cương lập quy hoạch, Quy hoạch tổng thể Thành phố bao gồm: chi phí nhân công thực hiện lập quy hoạch, các chi phí khác (chi phí mua tài liệu, số liệu, phôtô, in ấn, văn phòng phẩm, phần mềm quy hoạch, chi phí khấu hao thiết bị, chi phí đi lại, chi phí lưu trú, chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo và các khoản chi phí khác).

2. Định mức chi phí thẩm định Quy hoạch tổng thể Thành phố tính theo tỷ lệ (%) so với chi phí lập Quy hoạch tổng thể Thành phố.

3. Định mức chi phí quản lý nghiệp vụ công tác lập Quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố tính theo tỷ lệ (%) so với chi phí lập Quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố.

4. Định mức chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng cư dân có liên quan được xác định bằng 2% so với chi phí

lập Quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố tương ứng với chi phí tư vấn trong nước.

5. Định mức chi phí công bố quy hoạch được duyệt được xác định bằng 3% so với chi phí lập Quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố tương ứng với chi phí tư vấn trong nước.

6. Chi phí thực hiện các công việc Quy hoạch tổng thể Thành phố xác định theo định mức chi phí tại Nghị quyết này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, khi xác định dự toán chi phí Quy hoạch tổng thể Thành phố cần bổ sung thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

7. Chi phí dự phòng bằng 10% tổng chi phí lập Quy hoạch tổng thể Thành phố, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố.

8. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành định mức chi phí lập Đề cương lập quy hoạch, Quy hoạch tổng thể Thành phố, chi phí thẩm định, chi phí quản lý nghiệp vụ.

Điều 24. Định mức chi phí đánh giá, điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Định mức chi phí tư vấn đánh giá Quy hoạch tổng thể Thành phố xác định bằng dự toán theo quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Chi phí điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố:

a) Trường hợp phạm vi điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố không vượt quá quy mô diện tích và dân số của Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được phê duyệt thì chi phí điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố được xác định bằng 80% của chi phí lập Quy hoạch tổng thể Thành phố. Trường hợp phạm vi điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố vượt quá quy mô diện tích và dân số của Quy hoạch tổng thể Thành phố đã được phê duyệt thì chi phí điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố bằng 100% của chi phí lập Quy hoạch tổng thể Thành phố.

b) Chi phí điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố được xác định bằng định mức do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định.

Điều 25. Thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí quy hoạch

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nghiệp vụ lập Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố và điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố có trách nhiệm quản lý tiết kiệm, hiệu quả chi phí lập quy hoạch và chi phí của các công việc khác có liên quan đến lập quy hoạch theo các quy định có liên quan. Trong quá trình quản lý chi phí, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ năng lực kinh nghiệm để lập, thẩm tra dự toán chi phí quy hoạch.

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nghiệp vụ lập Quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thành phố và điều chỉnh cục bộ Quy hoạch tổng thể Thành phố trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và chi phí thực hiện các công việc có liên quan./.